

## Lông đèn phẳng bản rộng

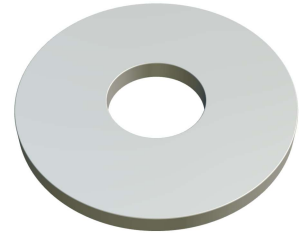
### Cấp bền và ký hiệu

Thép cấp bền

Thép không gỉ (Inox): A2

• DIN 9021 là tiêu chuẩn Đức quy định lông đèn phẳng bản rộng (large series flat washer), có đường kính ngoài lớn hơn DIN 125, dùng để tăng diện tích tiếp xúc và phân bố lực siết trên bề mặt rộng. Hiện nay, DIN 9021 về mặt kỹ thuật đã được thay thế bằng ISO 7093

• Ứng dụng: dùng nhiều trong kết cấu thép, gỗ, nhựa, nhôm, lắp ráp cơ khí, nơi cần diện tích tỷ lớn để bảo vệ bề mặt và tăng độ ổn định mối ghép.

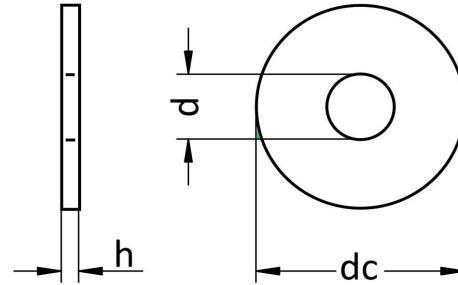


Chú Thích:

d: đường kính trong

dc: đường kính ngoài

h: độ dày



| Đường Kính Danh Nghĩa |                   | 2.7  | 3.2  | 3.7   | 4.3   | 5.3   | 6.4   | 7.4   | 8.4   | 10.5  |
|-----------------------|-------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Đường Kính Ren        |                   | M2.5 | M3   | M3.5  | M4    | M5    | M6    | M7    | M8    | M10   |
| d                     | min. = Danh Nghĩa | 2.7  | 3.2  | 3.7   | 4.3   | 5.3   | 6.4   | 7.4   | 8.4   | 10.5  |
|                       | max.              | 2.84 | 3.38 | 3.88  | 4.48  | 5.48  | 6.62  | 7.62  | 8.62  | 10.77 |
| dc                    | max. = Danh Nghĩa | 8    | 9    | 11    | 12    | 15    | 18    | 22    | 24    | 30    |
|                       | min.              | 7.64 | 8.64 | 10.57 | 11.57 | 14.57 | 17.57 | 21.48 | 23.48 | 29.48 |
| h                     | Danh Nghĩa        | 0.8  | 0.8  | 0.8   | 1     | 1.2   | 1.6   | 2     | 2     | 2.5   |
|                       | max.              | 0.9  | 0.9  | 0.9   | 1.1   | 1.4   | 1.8   | 2.2   | 2.2   | 2.7   |
|                       | min.              | 0.7  | 0.7  | 0.7   | 0.9   | 1     | 1.4   | 1.8   | 1.8   | 2.3   |

| Đường Kính Danh Nghĩa |                   | 13    | 15    | 17    | 20    | 22    | 26    | 33   | 39    | - |
|-----------------------|-------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-------|---|
| Đường Kính Ren        |                   | M12   | M14   | M16   | M18   | M20   | M24   | M30  | M36   | - |
| d                     | min. = Danh Nghĩa | 13    | 15    | 17    | 20    | 22    | 26    | 33   | 39    | - |
|                       | max.              | 13.27 | 15.27 | 17.27 | 20.52 | 22.52 | 26.84 | 34   | 40    | - |
| dc                    | max. = Danh Nghĩa | 37    | 44    | 50    | 56    | 60    | 72    | 92   | 110   | - |
|                       | min.              | 36.38 | 43.38 | 49.38 | 54.1  | 58.1  | 70.1  | 89.8 | 107.8 | - |
| h                     | Danh Nghĩa        | 3     | 3     | 3     | 4     | 4     | 5     | 6    | 8     | - |
|                       | max.              | 3.3   | 3.3   | 3.3   | 4.6   | 4.6   | 6     | 7    | 9.2   | - |
|                       | min.              | 2.7   | 2.7   | 2.7   | 3.4   | 3.4   | 4     | 5    | 6.8   | - |